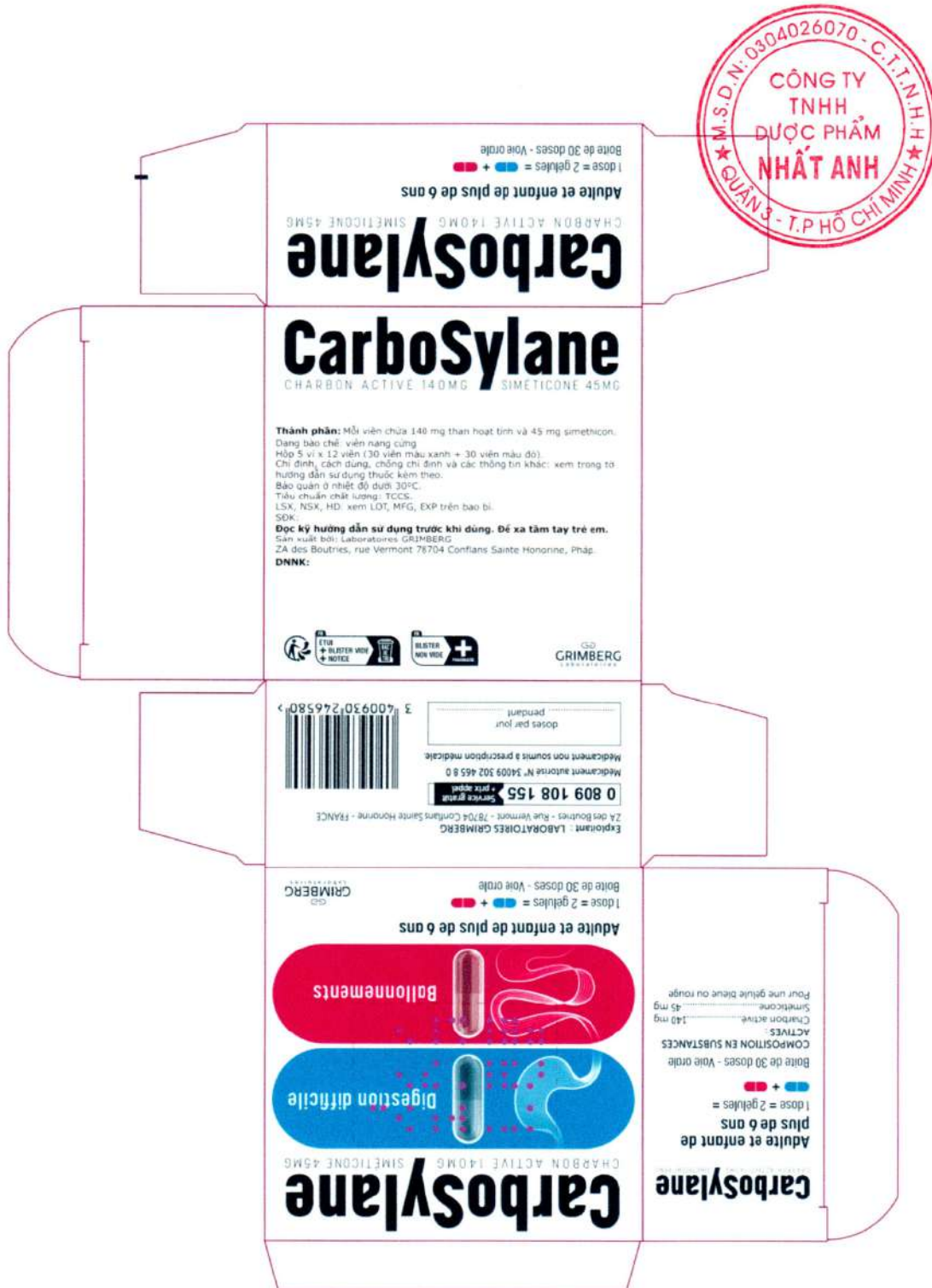
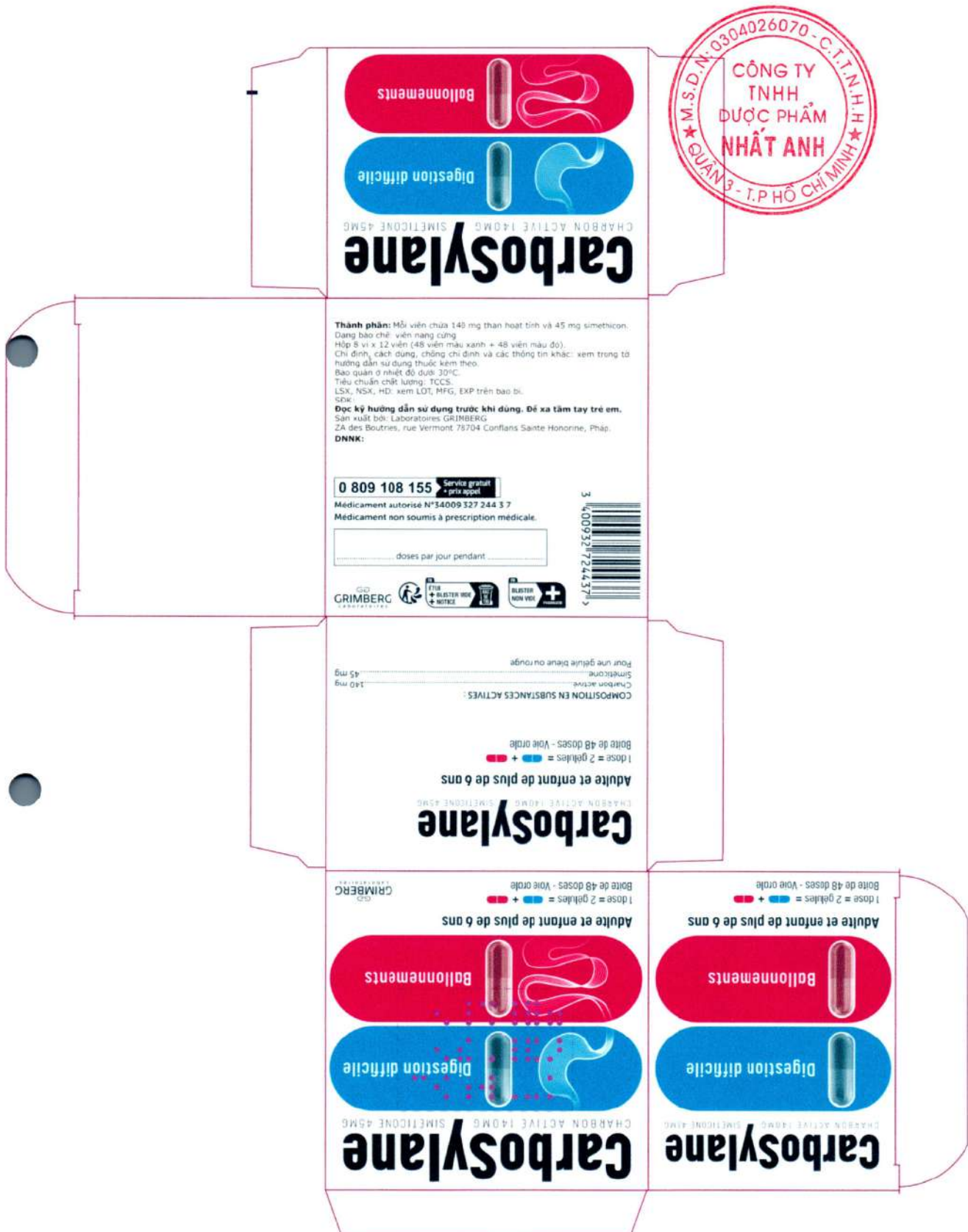


NHÃN HỘP



* Số lô, ngày sản xuất, hạn dùng được in trực tiếp trong quá trình sản xuất

NHÃN HỘP



* Số lô, ngày sản xuất, hạn dùng được in trực tiếp trong quá trình sản xuất

[illegible]

CARBOSYLANE



Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Để xa tầm tay trẻ em.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC:

Mỗi viên chứa:

Thành phần hoạt chất: Than hoạt tính 140 mg, simethicon 45mg.

Thành phần tá dược: Sorbitan oleat, polysorbat 80.

- Vỏ nang cứng màu xanh cỡ số 1: gelatin, indigotin (E132), titan dioxyd (E171).
- Vỏ nang cứng màu đỏ cỡ số 1: gelatin, indigotin (E132), titan dioxyd (E171), erythrosin (E127).
- Dịch bao kháng dịch vị của viên nang màu đỏ: cellulose phtalat acetat, diethyl phtalat.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nang cứng.

Mô tả:

Viên màu xanh: Viên nang màu xanh, cỡ số 1, bóng, chứa bột màu đen.

Viên màu đỏ: Viên nang màu đỏ, cỡ số 1, bóng, chứa bột màu đen.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị triệu chứng khó tiêu và đầy hơi.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Liều dùng:

Thuốc dùng cho người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.

Liều thường dùng hàng ngày: 3 liều/ngày (1 liều gồm một viên màu xanh và một viên màu đỏ).

Khoảng thời gian dùng thuốc thường là 10 ngày.

Cách dùng:

Thuốc dùng đường uống.

1 liều gồm một viên nang kháng dịch vị màu đỏ và một viên nang tan trong dạ dày màu xanh uống đồng thời, nên uống trước hoặc sau bữa ăn chính với một lượng nước vừa đủ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Trẻ em dưới 6 tuổi (do nguy cơ sử dụng sai đường dùng của thuốc).

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Trong trường hợp phải dùng đồng thời với các thuốc khác, nên uống thuốc cách xa nhau (hơn 2 giờ, nếu có thể).

Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại hoặc trầm trọng hơn hoặc táo bón kéo dài, bệnh nhân nên đi kiểm tra lại.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Không có dữ liệu đáng tin cậy về khả năng gây quái thai ở động vật.

Trên lâm sàng, hiện việc sử dụng than hoạt tính không gây dị tật hoặc độc tính nào cho thai nhi. Tuy nhiên, cần có các nghiên cứu dịch tễ học để chứng minh rằng không có rủi ro. Hơn nữa, do than hoạt tính không được tái hấp thu, không nên sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai trừ khi cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Thuốc có thể dùng trong thời gian cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Do đặc tính của than hoạt tính, khả năng hấp thu thuốc có thể bị giảm, nên tránh sử dụng với các loại thuốc khác (hơn 2 giờ, nếu cần).

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Sử dụng thuốc này với liều lượng cao có thể làm phân sẫm màu.

Bảng tóm tắt các tác dụng không mong muốn được phân nhóm theo tần suất: Rất thường gặp (ADR $\geq 1/10$), thường gặp ($1/100 \leq \text{ADR} < 1/10$), ít gặp ($1/1000 \leq \text{ADR} < 1/100$), hiếm gặp ($1/10000 \leq \text{ADR} < 1/1000$) và rất hiếm gặp ($\text{ADR} < 1/10000$), tần xuất không xác định (không thể ước tính dựa trên dữ liệu có sẵn).

Hệ cơ quan	Tác dụng không mong muốn			
	Thường gặp	Ít gặp	Hiếm gặp	Tần suất không xác định
Rối loạn da và mô dưới da				Mày đay
Rối loạn hệ thống miễn dịch				Phản ứng dị ứng như phản ứng phản vệ
Rối loạn tiêu hóa				Đau bụng, nôn, khó chịu, táo bón hoặc tiêu chảy

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 4 vỉ x 12 viên (24 viên xanh + 24 viên đỏ).

Hộp 5 vỉ x 12 viên (30 viên xanh + 30 viên đỏ).

Hộp 8 vỉ x 12 viên (48 viên xanh + 48 viên đỏ).

CƠ SỞ SẢN XUẤT: LABORATOIRES GRIMBERG

ZA des Boutries, rue Vermont 78704 Conflans Sainte Honorine, Pháp.

